

Bản án số: 751/2023/KDTM-PT

Ngày: 18/7/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Các Thẩm phán: Ông Lê Công Toại

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 05 và 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Do bản án sơ thẩm số 314/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2214/2023/QĐPT-KDTM ngày 22/5/2023 giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH N

Địa chỉ: Số 43 đường W, Khu phố T, phường T, thành phố T (Quận O cũ),
Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông T, ông Q (Có mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: Số 119 đường Đ, phường Đ, Quận Q, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Đ (Có mặt).

Người kháng cáo: 1. Công ty TNHH N
2. Công ty Cổ phần Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Công ty TNHH N trình bày ý kiến:

Công ty CP Đ và Công ty TNHH N (sau đây gọi là Công ty N) ký kết Hợp đồng kinh tế số 15.72/HĐKT-GNĐN-CKNL ngày 31/12/2015, theo đó, Công ty N nhận chế tạo cho Công ty Đ sản phẩm cơ khí HGT hành tinh I = 25 (Máy đèn Rieter NMGNVD) với đơn giá 513.000.000 đồng, giá bao gồm thuế giá trị gia tăng là: 564.300.000 đồng (VAT 10% = 51.300.000 đồng), phương thức thanh toán như sau:

- Công ty Đ tạm ứng 40% giá trị hợp đồng ngay khi hợp đồng được ký kết với số tiền: $564.300.000 \times 40\% = 225.720.000$ đồng;

- Công ty Đ thanh toán cho Công ty N 55% giá trị của hợp đồng trong vòng 10 ngày kể từ khi có: Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng với số tiền: $564.300.000 \times 55\% = 310.365.000$ đồng;

- Công ty Đ thanh toán cho Công ty N 5% giá trị hợp đồng được thanh toán sau 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu với số tiền là $564.300.000 \times 5\% = 28.215.000$ đồng.

Ngày 31/12/2015, ngoài thỏa thuận theo Hợp đồng kinh tế số 15.72/HĐKT-GNĐN-CKNL ngày 31/12/2015, giữa Công ty N và Công ty Đ có thỏa thuận sửa chữa hộp giảm tốc cũ bị hư của Công ty Đ để Công ty Đ đưa vào dự phòng duy trì sản xuất, đến ngày 19/01/2016, Công ty N gửi chuyển lại Hộp giảm tốc đã sửa chữa cho Công ty Đ (theo phiếu giao hàng ngày 19/01/2016).

Thực hiện Hợp đồng, Công ty N đã giao Hộp giảm tốc mới để Công ty Đ sử dụng, đến ngày 01/4/2016 chính thức vận hành có tải. Đối với việc sửa chữa Hộp giảm tốc cũ theo yêu cầu của bị đơn thì không được lập thành hợp đồng. Tổng số tiền mà Công ty N đã sửa chữa Hộp giảm tốc cũ là 324.500.000 đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn – Công ty Đ thanh toán cho Công ty N số tiền do đã vi phạm nghĩa vụ, gồm:

- 60% còn lại của Hợp đồng kinh tế số 15.72/HĐKT-GNĐN-CKNL ngày 31/12/2015 là 338.580.000 đồng;

- Số tiền lãi cho chậm trả tính bằng lãi suất ngân hàng tại thời điểm vi phạm (lãi suất cơ bản là 9%/năm) trên 60% giá trị hợp đồng còn lại chưa thanh toán từ ngày 18/3/2016 đến ngày 30/9/2022, tạm tính là 194.555.953 đồng;

- Thanh toán phần chi phí phát sinh mà Công ty N đã thực hiện sửa chữa đối với hộp giảm tốc cũ gồm chế tạo thêm một số thiết bị, phụ tùng thay thế, bảo dưỡng các phụ tùng... tương ứng với số tiền 324.500.000 đồng.

Bị đơn – Công ty Đ trình bày ý kiến:

Công ty CP Đ xác nhận có ký kết với Công ty TNHH N Hợp đồng kinh tế số 15.72/HĐKT-GNĐN-CKNL ngày 31/12/2015. Theo đó, Công ty N nhận chế tạo cho Công ty Đ sản phẩm cơ khí HGT hành tinh I = 25 (Máy đèn Rieter NMGNVĐ). Sau khi ký Hợp đồng kinh tế, ngày 31/12/2015 Công ty Đ bàn giao Hộp giảm tốc cũ cho Công ty N để Công ty N sửa chữa.

Ngày 19/3/2016 Công ty N bàn giao cho Công ty Đ Hộp giảm tốc mới và chạy không tải theo đúng quy trình Công ty N đưa ra. Đến ngày 01/4/2016, chính thức vận hành Hộp giảm tốc có tải. Đến ngày 16/4/2016 Công ty CP Đ nhận thấy có mặt sắt trong nhớt bôi trơn. Do đó nhân viên kỹ thuật của Công ty CP Đ và Công ty N tháo ra để kiểm tra thì phát hiện bánh răng, trục răng bị mòn, lõm vào trong, tạo ra mặt sắt. Sau đó hai bên thống nhất chuyển hộp giảm tốc về Công ty N để sửa chữa.

Đối với các yêu cầu của nguyên đơn, Công ty Đ có các ý kiến như sau:

- Về yêu cầu trả 60% còn lại của Hợp đồng kinh tế số 15.72/HĐKT-GNĐN-CKNL ký kết ngày 31/12/2015 tương ứng với số tiền là 338.580.000 đồng:

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, vì Hộp giảm tốc mới không đạt yêu cầu, chất lượng. Hộp giảm tốc do nguyên đơn sản xuất mới thường xuyên hư hỏng nên không thể nghiệm thu và thanh toán theo hợp đồng.

- Về tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm vi phạm (lãi suất cơ bản là 9%/năm) trên 60% giá trị hợp đồng còn lại chưa thanh toán từ ngày 18/3/2016 đến ngày xét xử. Công ty Đ không đồng ý với yêu cầu này vì Công ty Đ không vi phạm Hợp đồng kinh tế giữa hai bên.

- Về yêu cầu thanh toán phần chi phí phát sinh mà Công ty N đã thực hiện đối với việc sửa chữa hộp giảm tốc cũ, chế tạo thêm một số thiết bị, phụ tùng thay thế, bảo dưỡng các phụ tùng nhằm đảm bảo cho dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục như bên nguyên đơn trình bày tương ứng với số tiền 324.500.000 đồng. Công ty Đ không đồng ý, vì Công ty N sửa chữa không đạt yêu cầu, việc sửa chữa này theo yêu cầu của Công ty N để khắc phục việc hư hỏng của hộp giảm tốc mới. Công ty Đ không đưa ra yêu cầu sửa chữa và không thỏa thuận biểu phí nên yêu cầu này của nguyên đơn, bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 314/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q đã tuyên xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần Đ trả cho Công ty TNHH N số tiền 60% còn lại của Hợp đồng kinh tế số 15.72/HĐKT-GNĐN-CKNL ngày 31/12/2015 là 338.580.000 đồng.

2. Buộc Công ty Cổ phần Đ trả cho Công ty TNHH N số tiền lãi do chậm thanh toán là 194.555.953 đồng theo Hợp đồng kinh tế số 15.72/HĐKT-GNĐN-CKNL ngày 31/12/2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 9%/năm do nguyên đơn tự nguyện áp dụng đối với Hợp đồng kinh tế số 15.72/HĐKT-GNĐN-CKNL ngày 31/12/2015 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định Điều 306 Luật Thương mại 2005.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bị đơn – Công ty Cổ phần Đ thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền sửa chữa phát sinh là 324.500.000 đồng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn - Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 25.325.438 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Nguyên đơn - Công ty TNHH N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 16.225.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đã nộp là 16.582.062 đồng (Mười sáu triệu năm trăm tám mươi hai nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0023142 ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho Công ty TNHH N 357.062 đồng (Ba trăm năm mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi hai đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/10/2022, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu thanh toán 60% phần giá trị hợp đồng còn lại và khoản tiền lãi do phạt vi phạm chậm thanh toán.

Ngày 13/10/2022, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền chi phí sửa chữa hộp giảm tốc nguyên thủy cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 324.500.000 đồng là chi phí phát sinh mà nguyên đơn đã thực việc chế tạo thêm một số thiết bị, phụ tùng thay thế, bảo dưỡng các phụ tùng đối với hộp giảm tốc nguyên thủy.

Bị đơn trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn không có sự thoả thuận nào về việc sửa chữa hộp giảm tốc cũ. Hai bên đã ký hợp đồng số 15.72/HĐKT-GNĐN-CKNL ngày 31/12/2015 để nguyên đơn nhận chế tạo hộp giảm tốc mới theo các chi tiết đã thể hiện tại hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn không giao bản vẽ cho bị đơn nghiệm thu theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng. Do Toà án Quận Q đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, khách quan làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ hợp pháp của bị đơn. Vì vậy, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán 60% phần giá trị hợp đồng còn lại và khoản tiền lãi do phạt vi phạm chậm thanh toán mà Toà án sơ thẩm đã tuyên xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 314/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng kinh tế, là loại tranh chấp về kinh doanh thương mại. Căn cứ vào trụ sở của bị đơn, Toà án nhân dân Quận Q đã thụ lý giải quyết theo trình tự thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Ngày 31/12/2015, Công ty Cổ phần Đ và Công ty TNHH N ký kết hợp đồng kinh tế số 15.72/HĐKT-GNĐN-CKNL, nội dung công việc các bên thoả thuận như sau: Nguyên đơn Công ty N nhận chế tạo cho bị đơn Công ty Đ các sản phẩm cơ khí theo bản vẽ thiết kế do Công ty N cung cấp, sản phẩm cụ thể là máy HGT hành tinh I=25 (máy đèn Rieter NMGNVĐ), giá trị hợp đồng bao gồm thuế giá trị gia tăng là 564.300.000 đồng, với phương thức thanh toán như sau:

- Công ty Đ tạm ứng 40% giá trị hợp đồng ngay khi hợp đồng được ký kết với số tiền: $564.300.000 \times 40\% = 225.720.000$ đồng;

- Công ty Đ thanh toán cho Công ty N 55% giá trị của hợp đồng trong vòng 10 ngày kể từ khi có: Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng với số tiền: $564.300.000 \times 55\% = 310.365.000$ đồng;

- Công ty Đ thanh toán cho Công ty N 5% giá trị hợp đồng được thanh toán sau 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu với số tiền là $564.300.000 \times 5\% = 28.215.000$ đồng.

Nguyên đơn và bị đơn xác định hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện và không bên nào phản đối nội dung của hợp đồng, do đó hợp đồng đã phát sinh hiệu lực. Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán 40% giá trị hợp đồng với số tiền là 225.720.000 đồng. Sau đó, do máy bị hư hỏng trong khi vận hành nên bị đơn không đồng ý thanh toán tiếp với lý do máy gia tốc không đạt yêu cầu về chất lượng.

Tại Điều 2 của hợp đồng, các bên thoả thuận về việc nghiệm thu như sau: *“Nghiệm thu bản vẽ thiết kế kỹ thuật được thống nhất giữa bên A và bên B; Thành phần nghiệm thu gồm kỹ thuật của bên A và bên B; Thời hạn nghiệm thu: trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên B giao hàng, bên A phải tiến hành nghiệm thu kỹ thuật”*

Như vậy, tại hợp đồng các bên đã có thoả thuận việc nghiệm thu, là một trong các điều kiện để bị đơn tiếp tục thanh toán 60% giá trị hợp đồng còn lại. Tuy nhiên trên thực tế, cả nguyên đơn và bị đơn đều không thực hiện các bước nghiệm thu theo quy định tại hợp đồng.

Về lý do không nghiệm thu, nguyên đơn trình bày mặc dù đã bàn giao bản vẽ thiết kế kỹ thuật cho bị đơn nhưng bị đơn không yêu cầu nghiệm thu bản vẽ. Ngược lại bị đơn trình bày không nghiệm thu được bản vẽ do nguyên đơn không giao bản vẽ thiết kế kỹ thuật cho bị đơn.

Về việc nghiệm thu kỹ thuật, nguyên đơn cho rằng do đã quá thời gian quy định tại Điều 2 của hợp đồng nên không nghiệm thu được sản phẩm. Phiếu giao hàng của nguyên đơn cung cấp thể việc nguyên đơn đã giao hàng từ ngày 18/3/2016 nhưng trên thực tế ngày hộp gia tốc mới được giao đến công ty bị đơn là ngày 19/3/2016. Máy được chạy không tải từ ngày 19/3/2016 đến ngày 01/4/2016, sau đó thì chính thức vận hành và phát hiện có mặt sắt trong nhớt bôi trơn vào ngày 16/4/2016. Nhân viên kỹ thuật của hai công ty cùng kiểm tra và phát hiện bánh răng, trục răng bị mòn lõm vào trong, tạo ra mặt sắt; do đó hai bên thống nhất chuyển máy trở về công ty nguyên đơn để sửa chữa. Trên thực tế sau khi được nhận hộp gia tốc, bị đơn chỉ chính thức vận hành máy trong 15 ngày kể từ ngày 01/4/2016 đến 16/4/2016. Ngoài ra nguyên đơn cũng xác nhận cho đến thời điểm hiện nay nguyên đơn vẫn đang giữ máy gia tốc tại công ty, hai bên chưa có văn bản nào thoả thuận việc giao trả lại máy.

Sau khi nghe các đương sự tranh luận cùng với việc xem xét các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án Quận Q đã ra Quyết định trưng cầu giám định theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng sau khi ban hành quyết định này thì Tòa án Quận Q đã không tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo để tiến hành giám định và cũng không giải quyết đối với yêu cầu trưng cầu giám định của nguyên đơn tại bản án sơ thẩm, trong khi tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xác định chưa rút lại yêu cầu giám định.

Đối với việc thực hiện hợp đồng, ngay từ giai đoạn nghiệm thu bản vẽ, cả nguyên đơn và bị đơn đều đã không tuân thủ đúng các quy định của hợp đồng. Từ việc không nghiệm thu bản vẽ thiết kế dẫn đến việc không nghiệm thu được về kỹ thuật và không xác định được chất lượng sản phẩm đã đạt yêu cầu chưa. Kể từ thời điểm nguyên đơn đưa máy trở về công ty cho đến nay, nguyên đơn vẫn chưa đưa ra được kết luận về nguyên nhân máy xảy tình trạng như trên. Hội đồng xét xử nhận định lỗi vi phạm hợp đồng xuất phát từ cả hai phía nguyên đơn và bị đơn nhưng bản án sơ thẩm không thu thập chứng cứ đầy đủ để xác định mức độ lỗi và trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi bên theo hợp đồng, không xem xét yếu tố lỗi là chưa khách quan và toàn diện. Sau khi làm rõ được các vấn đề trên thì mới giải quyết được tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn và có cơ sở để buộc trách nhiệm, nghĩa vụ đối với bên vi phạm theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, máy gia tốc đã được nguyên đơn mang về và lưu giữ tại công ty từ 16/4/2016 cho đến nay nhưng bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán phần tiền còn lại của hợp đồng mà không giải quyết về việc giao trả

máy gia tốc do nguyên đơn đang giữ. Toà án Quận Q chưa thu thập ý kiến của các bên nguyên đơn và bị đơn về việc giao trả lại máy cho bị đơn như thế nào, các bên có thoả thuận gì khác không? Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày chưa yêu cầu Toà án sơ thẩm giải quyết việc giao trả máy.

Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy do phát sinh tình tiết mới nên để đảm bảo cho quyền lợi của các đương sự trong vụ án, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận Q, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân Quận Q để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán chi phí sửa chữa hộp giảm tốc cũ, Toà án cấp sơ thẩm nhận định các chứng cứ là hoá đơn mà nguyên đơn phải trả cho bên cung cấp hàng hoá, nguyên liệu cho nguyên đơn không thể hiện được nội dung ràng buộc trách nhiệm của bị đơn nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nhận định của Toà án sơ thẩm như trên là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại phiên toà phúc thẩm, các bên thừa nhận giữa hai bên không ký hợp đồng và thoả thuận bằng văn bản ghi nhận việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn sửa chữa và thoả thuận chi phí vật liệu sửa chữa. Trong trường hợp nguyên đơn cung cấp thêm được các chứng cứ mới để chứng minh thì Toà án cấp sơ thẩm sẽ xem xét lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 148, do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Áp dụng Điều 30, Điều 38, Điều 148, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 314/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí

Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận Q giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về án phí: Công ty TNHH N không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0004847 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q.

Công ty Cổ phần Đ không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0004852 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q.

Nghĩa vụ chịu án phí sơ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận Q;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận Q;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lưu Thị Đoan Trang